

CHƯƠNG I: TẬP UẨN (Tiếp Theo)**Phẩm Thứ Bảy: LUẬN VỀ VÔ NGHĨA****LUẬN VỀ VÔ NGHĨA (Phần 1)**

Như Đức Thế Tôn nói: “Tu các công hạnh khổ hạnh khác, nên biết rằng đều là vô nghĩa, không có được lợi ích an vui, như khua mái chèo trên mặt đất.”

Các chương như vậy và giải thích ý nghĩa của từng chương đã lãnh hội rồi, tiếp theo cần phải giải thích rộng ra.

Hỏi : Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh, tuy tất cả các luận đều là giải thích về kinh, nhưng phẩm này giải thích nghĩa lý của nhiều kinh. Nghĩa là trong kinh nói: “Đức Thế Tôn an trú dưới tán cây Bồ-đề bên hồ Ô-lô-tần-loa cạnh sông Nê-lan-thiện-na, sau khi thành Phật chưa lâu nói vấn tắt về pháp quan trọng cho các thanh văn, bảo với các Tỳ kheo: Ta đã giải thoát cách tu khổ hạnh vô nghĩa, được giải thoát điều ấy thật là tốt đẹp vô cùng, bởi vì từ nguyện lực chính đáng nhanh chóng chứng đắc đạo quả Vô thường Bồ-đề. Lúc ấy, các Tỳ kheo nghe lời Đức Phật đã nói; hoan hỷ hăng hái cung kính tôn trọng, thâm nhiếp tâm tư tập trung lắng nghe tiếp nhận pháp quan trọng. Lúc bấy giờ ác ma dấy lên ý niệm như vậy: Nay Sa-môn dòng họ Kiều-đáp-ma kia, ở dưới tán cây Bồ-đề nói pháp cho mọi người, các thanh văn ấy cung kính lắng nghe tiếp nhận, bây giờ mình phải đến đó để gây ra những trở ngại. Thế là ác ma tự hóa làm thân Ma-nạp-bà (người tu phạm hạnh), đi đến trước Đức Phật nói bài kệ rằng:

Nay Nhân giả rời bỏ khổ hạnh, là đạo chân tịnh của Cổ Tiên. Lại tu theo đạo uesthiêm khác, chắc chắn không đạt được thanh tịnh.

Nghĩa trong bài kệ này, là nói ác ma kia dấy lên ý tưởng thanh tịnh chân thật đối với thân chư thiên, khởi lên ý tưởng có thể chứng được đạo thanh tịnh chân thật đối với cách tu khổ hạnh của ngoại đạo xưa kia, đến thưa với Đức Phật rằng: Nay Nhân giả vì sao rời bỏ đạo vi diệu khổ hạnh thanh tịnh chân thật có thể đạt được của các vị Tiên xưa kia, mà tu theo đạo vui thú phóng túng uesthiêm trước thấp kém khác vậy? Đạo này chắc chắn không thể nào đạt được thanh tịnh, hợp thời hãy nhanh chóng rời bỏ! Vì vậy Đức Phật nói bài tụng này cho người ấy rằng: “Tu các công hạnh khổ hạnh khác...” Ý bài tụng này nói: Không phải là ta không

có năng lực tu tập đối với pháp tu khổ hạnh của ngoại đạo kia mà cố ý rời bỏ, nhưng Ta quán sát kỹ càng pháp tu khổ hạnh như vậy, rốt cuộc không thể nào đoạn trừ các phiền não, đạt được lợi ích có ý nghĩa chân thật, cho nên Ta rời bỏ mà trải qua tu tập công hạnh vi diệu trong xứ sở chân thật, nhờ đó đã chứng được đạo quả Vô thường Bồ-đề, có năng lực bạt trừ nỗi khổ dữ dội của chúng sinh trong dòng sinh tử.

Nghĩa của bài tụng này là các loại khổ hạnh mà ngoại đạo đã tu, ở ngoài Chánh pháp cho nên nói là các công hạnh khổ hạnh khác.

Có người nói: Nên nói là khổ hạnh thấp hèn. Nghĩa là các khổ hạnh tóm lại có hai loại:

1. Thù thắng, đó là tám thánh và quyển thuộc của Thánh đạo.

2. Hèn kém, đó là các khổ hạnh mà ngoại đạo đã tu, bởi vì xen lẫn với chấp Ngã cho nên đặt tên gọi là hèn kém. Lại nữa, các khổ hạnh mà ngoại đạo kia đã tu, là vì cầu mong quả khổ sinh tử của thế gian, bởi vì quả thấp kém cho nên đặt tên gọi là hèn kém.

Có người nói: Nên nói là khổ hạnh Bất tử. Nói là Bất tử, đó là tên gọi khác của trời, tức là gọi Thiên ma với tên gọi là Bất tử. Ma tôn sùng pháp tu khổ hạnh của ngoại đạo như vậy, cho nên ở đây gọi là khổ hạnh bất tử. Lại nữa, các ngoại đạo đều mong cầu những dục lạc tuyệt vời trong loài trời, mà tu pháp khổ hạnh ngày cho nên nói là khổ hạnh bất tử.

Tiếp theo nói “Nên biết rằng đều là vô nghĩa”, tu các pháp khổ hạnh ấy nên biết rằng có thể dẫn đến sự suy tổn từ đời này đến đời khác, cho nên gọi là “Đều là vô nghĩa.” Lại nói “Không có được lợi ích an vui”, là giải thích lại ý nghĩa của câu trước. Lợi nghĩa là lợi ích, an nghĩa là an lạc. Các pháp khổ hạnh ấy không có năng lực đoạn trừ vĩnh viễn các phiền não, không có năng lực dẫn dắt sinh ra pháp thiện thù thắng, không đạt được lợi ích an lạc đến mức cứu cánh. “Như khua mái chèo trên mặt đất”, tuy uồn công vác vả mà cuối cùng không có gì vừa ý; khổ hạnh của ngoại đạo nên biết cũng như vậy, tuy chịu khó tu tập mà không có được lợi ích an vui.” Lúc ấy, Thiên ma kia lại thưa thỉnh Đức Phật rằng: Nếu pháp khổ hạnh này không có được lợi ích an vui thì Phật tu theo đạo gì mà được thanh tịnh chân thật? Đức Thế Tôn bảo rằng: Ta tu ba pháp Giới-Định-Tuệ, ở trong đạo thanh tịnh chân thật. Đạt được quả thanh tịnh cứu cánh, và đạo quả Vô thượng Bồ-đề.”

Trong kinh tuy nói như vậy nhưng không phân biệt về nghĩa ấy, kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, những điều trong kinh không phân biệt thì nay cần phải phân biệt tất cả, cho nên soạn ra phần

luận này.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn đưa ra cách nói như vậy: Tu các công hạnh khổ hạnh khác đều là vô nghĩa?

Đáp: Bởi vì công hạnh ấy hướng về cái chết-gắn với cái chết-đến nơi cái chết, chứ không phải là khổ hạnh như vậy có năng lực vượt lên trên cái chết. Nghĩa là các hữu tình vì muốn vượt lên trên biển rộng lão tử cho nên tu pháp khổ hạnh ấy, nhưng pháp khổ hạnh ấy từ nơi kiến chấp mà dấy khởi gặp bội, làm cho chìm đắm trong biển rộng lão tử, cho nên Đức Phật nói tu những pháp ấy đều là vô nghĩa. Ba loại sinh-lão-tử có mặt khắp các cõi, lão tử chính là do hữu tình chán ngán cái chết, dấy khởi chán ngán quá mức cho nên ở đây chỉ nói đến điều ấy.

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Tất cả mọi sự lưu chuyển đều gọi là vô nghĩa, tất cả mọi sự hoàn diệt đều gọi là có nghĩa. Như vậy khổ hạnh là từ kiến chấp mà dấy khởi trái ngược với hoàn diệt, tùy thuận với lưu chuyển, cho nên nói tu những pháp ấy đều là vô nghĩa” Đại đức nói rằng: “Khổ đau trong ba nẻo ác đều gọi là vô nghĩa, giải thoát của nẻo thiện đều gọi là có nghĩa. Như vậy khổ hạnh là dấy lên tà phương tiện, trái với những nẻo thiện, thuận với nẻo ác khổ đau, cho nên nói tu những pháp ấy đều là vô nghĩa.”

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Khổ hạnh như vậy có thể làm cho chúng sinh rơi vào dòng sinh tử, luôn luôn nhận lấy mọi khổ đau của các cõi-các nẻo-các đời-các chốn, cho nên nói tu những pháp ấy đều là vô nghĩa.”

Vả lại, Đức Thế Tôn nói: “Ngồi kiết già, thân đoan nghiêm, chánh nguyện trú vào niệm đối diện...”

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này? Đáp: Vì cần phải phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: “Có những Tỳ kheo, ở chốn A-luyện-nhã, hoặc ở dưới tán cây, hoặc ở trong tịnh thất, mỗi kiết già, thân đoan nghiêm, chánh nguyện trú vào niệm đối diện...”. Tuy trong kinh nói như vậy, mà không phân biệt về nghĩa ấy, kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh không giải thích thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Trong các oai nghi đều có thể tu thiện, vì sao chỉ nói đến ngồi kiết già?

Đáp: Bởi vì đây là oai nghi thường ngày của Hiền Thánh, nghĩa là vô lượng vô biên chư thật và đệ tử Phật trong quá khứ-vị lai đều trú trong oai nghi này mà nhập định. Lại nữa, oai nghi như vậy thuận với phẩm thiện, nghĩa là nếu đi-đứng thì thân thể mau chóng mệt nhọc, nếu

lúc ngồi dựa lưng hoặc nằm thì tăng thêm cảm giác ngủ vùi mơ màng, chỉ có ngồi kiết già thì không có lỗi lầm ấy, cho nên có thể tu tập phẩm thiện thù thắng. Lại nữa, bởi vì oai nghi như vậy thì trái với pháp ác, nghĩa là những ai oai nghi khác thì thuận với các pháp bất thiện như dâm dục..., chỉ có ngồi kiết già mới có thể ngược với các pháp bất thiện. Lại nữa, bởi vì oai nghi như vậy dẫn dắt hàng trời-người... đi vào Chánh pháp, nghĩa là những oai nghi khác không có năng lực dẫn dắt người-trời-rồng-quỷ-A tố lạc... khiến cho tiến vào Phật pháp như oai nghi ngồi kiết già. Lại nữa, bởi vì oai nghi như vậy làm nảy sinh tâm cung kính tin tưởng của hàng người-trời..., nghĩa là những oai nghi khác không có năng lực phát khởi tâm niệm cung kính tin tưởng của người-trời-rồng-quỷ-A tố lạc..., như oai nghi ngồi kiết già. Giả sử oai nghi này có nảy sinh tâm-tứ ác để làm phát sinh điều thiện cho người khác thì hãy còn cần phải an trú, huống là tự mình thuận theo để phát sinh phẩm thiện thù thắng hay sao? Lại nữa, bởi vì chỉ dựa vào oai nghi này mà chứng được đạo quả Vô thường Bồ-đề, nghĩa là dựa vào những oai nghi khác cũng có thể chứng được Bồ-đề của Nhị thừa, nhưng không có năng lực chứng được Bồ-đề của Phật. Lại nữa, bởi vì trú trong oai nghi này thì làm cho quân ma sợ hãi, nghĩa là xưa kia Đức Phật ngồi kiết già ở dưới tán cây Bồ-đề phá tan hai loại quân ma, đó là Tự Tại Thiên và các phiến não, làm cho chúng ma trông thấy oai nghi này thì hết sức kinh sợ, phần lớn đều rút lui tan tác. Lại nữa, bởi vì đây là pháp bất cộng đối với ngoại đạo, nghĩa là những oai nghi khác thì ngoại đạo cũng có, chỉ riêng oai nghi ngồi kiết già thì ngoại đạo không có. Lại nữa, bởi vì ngồi kiết già thuận với tu Định, nghĩa là những pháp thiện tản mát trú trong những oai nghi khác đều có thể tụ tập, nếu tu pháp thiện về Định thì chỉ có ngồi kiết già là tùy thuận nhất. Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên chỉ nói đến oai nghi ngồi kiết già.

Hỏi: Nghĩa về ngồi kiết già là có ý nghĩa gì?

Đáp: Là nghĩa về tướng tròn trịa mà an tọa. Phái Thanh Luận nói: “Dùng hai mu bàn chân đặt lên trên hai bắp vế, như rồng cuộn tròn, ngồi thẳng tư duy, cho nên gọi là ngồi kiết già.” Hiệp Tôn giả nói: “Hai chân chồng lên nhau, trái phải đan chéo nhau, chánh quán về cảnh giới, gọi là ngồi kiết già, bởi vì chỉ có oai nghi này thuận với tu Định.” Đại đức nói rằng: “Đây là cách ngồi cát tường của Hiền Thánh, cho nên gọi là ngồi kiết già.”

Hỏi: Đoan thân là nghĩa gì?

Đáp: Là nghĩa về thân ngay thẳng mà an tọa.

Hỏi: Chánh nguyện là nghĩa gì?

Đáp: Là nghĩa về thuận với phẩm thiện mà chú tâm. Hỏi: Trú trong niệm đối diện là nghĩa gì?

Đáp: Diện là cảnh Định, đối là đang nhìn chăm chú, niệm này khiến cho tâm đang nhìn chăm chú vào cảnh Định, rõ ràng không có gì trái ngược, cho nên gọi là niệm đối diện. Lại nữa, diện là phiền não, đối là đối trị, niệm này đối trị phiền não đứng đầu có thể làm thành sinh tử, cho nên gọi là niệm đối diện. Lại nữa, diện là khuôn mặt của mình, đối là hướng về nhìn chăm chú, niệm này khiến cho tâm hướng về nhìn chăm chú khuôn mặt của mình, mà quán sát cảnh khác, cho nên gọi là niệm đối diện.

Hỏi: Vì sao buộc niệm vào khuôn mặt của mình vậy?

Đáp: Bởi vì từ vô chỉ đến nay, nam vì sắc của nữ, nữ vì sắc của nam, phần lớn dựa vào khuôn mặt mà quán sát khuôn mặt của mình để điều phục những phiền não. Lại nữa, tâm tham của hữu tình phần lớn dựa vào mi-mắt-môi-răng-tai-mũi... trên khuôn mặt mà nảy sinh chứ không phải là những phần thân thể khác, cho nên quán sát khuôn mặt của mình để điều phục loại bỏ tham dục. Lại nữa, khuôn mặt có bảy lỗ thường chảy ra vật bất tịnh, sinh tâm chán ngán lìa xa hơn hẳn những phần thân khác, cho nên quán sát khuôn mặt của mình mà tu hạnh chán ngán lìa bỏ. Lại nữa, khuôn mặt của mình nhìn thấy mong sẽ không khởi lên nhiều tham ái, cho nên buộc niệm ấy vào khuôn mặt chứ không phải là nơi nào khác, nếu không nhìn vào thì tự mình không trông thấy mình. Lại nữa, hành giả tu quán thì phần lớn thích quán sát về tướng của mười hai xứ, trên khuôn mặt luôn luôn có chín xứ sai biệt, cho nên phải quán sát khuôn mặt.

Cũng có nơi nói trú trong niệm bối diện, hai nghĩa của đối và bối đều hợp lý chứ không có gì trái ngược. Nguyên cố thế nào? Bởi vì lực của niệm này rời bỏ tạp nhiễm, hướng về thanh tịnh; rời bỏ sinh tử, hướng về Niết-bàn; rời bỏ lưu chuyển, hướng đến hoàn diệt; rời bỏ năm dục, hướng đến cảnh Định; rời bỏ Tát-ca-da kiến, hướng về Không giải thoát môn; rời bỏ chấp Ngã, hướng về Vô ngã; rời bỏ tà pháp, hướng về Chánh pháp. Vì vậy, đối và bối đều hợp lý chứ không có gì trái ngược. An trú trong niệm này thì gọi là trú trong niệm đối diện.

